

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 7744 : 2013

GẠCH TERAZO

Terrazzo tiles

Lời nói đầu

TCVN 7744 : 2013 được soát xét từ TCVN 7744 : 2007 và dựa trên cơ sở tiêu chuẩn BS EN 13748-1:2004 và BS EN 13748-2:2004 do Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng biên soạn, Bộ Xây dựng đề nghị, Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

GẠCH TERAZO

Terrazzo tiles

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho gạch terazo chất kết dính xi măng dùng lát trong và ngoài nhà.

2. Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau là cần thiết khi áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm các bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 6065:1995 *Gạch xi măng lát nền*.

TCVN 6355-2:1998 *Gạch xây - Phương pháp thử - Phần 2: Xác định cường độ uốn*.

TCVN 6415-14:2005 *Gạch gốm ốp lát - Phương pháp thử - Phần 17: Xác định hệ số ma sát*.

ISO 8486-1:1996 *Vật liệu mài liên kết - Xác định và lựa chọn phân bố cỡ hạt - Phần 1: Hạt lớn từ F4 đến F220 (Bonded abrasives - Determination and designation of grain distribution - Part 1: Macrogrits F4 to T220)*.

BS EN ISO 4288:1998 *Yêu cầu kỹ thuật sản phẩm hình học - Cấu trúc bề mặt - Phương pháp mặt nghiêng: Quy định và các bước đánh giá chất lượng bề mặt (Geometric product specification (GPS) - Surface texture - Profile method: Rules and procedures for the assessment of surface texture)*.

BS EN 10083-2:2006 *Thép tôi - Quy định phân bố kỹ thuật cho thép không hợp kim (Steels for quenching and tempering - Technical delivery conditions for non alloy steels)*.

3. Thuật ngữ, định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

3.1. Gạch terazo (terrazzo tiles)

Sản phẩm được tạo thành từ hỗn hợp gồm xi măng, nước, cốt liệu và có thể có phụ gia, chất tạo màu. Bề mặt gạch có thể nhám hoặc mài bóng.

3.2. Gạch terazo nội thất (terrazzo tiles for internal use)

Gạch terazo dùng lát trong nhà.

3.3. Gạch terazo ngoại thất (terrazzo tiles for external use)

Gạch terazo dùng lát bên ngoài nhà.

3.4. Gạch terazo một lớp (single-layered terrazzo tiles)

Gạch terazo chế tạo từ một hỗn hợp vật liệu đồng nhất.

3.5. Gạch terazo hai lớp (dual-layered terrazzo tiles)

Gạch terazo chế tạo từ hai lớp hỗn hợp vật liệu, trong đó có lớp mặt và lớp đệm đáy.

3.6. Mặt trên (upper face)

Bề mặt nhìn thấy sau khi lát.

3.7. Lớp mặt (facing layer)

Lớp hỗn hợp vật liệu dùng chế tạo mặt trên có tác dụng trang trí và chống tác động cơ học trực tiếp khi sử dụng.

3.8. Mặt lát (bed face)

Bề mặt song song với mặt trên và tiếp xúc với lớp nền hoặc lớp lót sau khi lát.

3.9. Lớp nền (layer of base)

Lớp có bề mặt dùng để lát.

3.10. Lớp lót (underlayer)

Lớp để làm phẳng bề mặt lớp nền.

4. Phân loại

Theo mục đích sử dụng gạch terazo được phân thành 2 loại:

- Gạch terazo nội thất.
- Gạch terazo ngoại thất.

5. Hình dạng và kích thước cơ bản

5.1. Hình dạng cơ bản: gạch terazo thường có hình vuông, hình chữ nhật.

5.2. Kích thước cơ bản của sản phẩm theo Bảng 1.

Bảng 1 - Kích thước cơ bản của gạch terazo

Kích thước tính bằng milimét

Kích thước cạnh bên	Hình vuông		Hình chữ nhật
	200 x 200	400 x 400	250 x 500
250 x 250	500 x 500	300 x 600	
300 x 300	600 x 600	400 x 600	
333 x 333	-	-	
Chiều dày ^{*)}			
^{*)} Do nhà sản xuất quy định			

5.3. Gạch terazo có kiểu dáng, kích thước khác với Bảng 1 được sản xuất theo yêu cầu của khách hàng nhưng phải đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chuẩn này.

6. Yêu cầu kỹ thuật

6.1. Yêu cầu chung

6.1.1. Yêu cầu ngoại quan

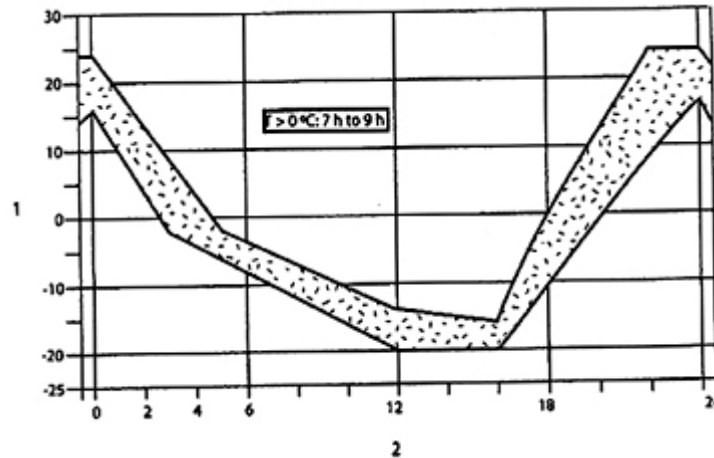
- Màu sắc của sản phẩm trong cùng một lô phải đồng đều.
- Khuyết tật ngoại quan cho phép của sản phẩm được quy định ở Bảng 2.

Hình B.2 - Nguyên tắc lắp đặt sử dụng để thử nghiệm đóng băng - tan băng

Bắt đầu tính chu kỳ đầu tiên thử nghiệm trong vòng (0 ± 30) min kể từ khi đặt mẫu trong buồng đóng băng. Nếu chu kỳ bị gián đoạn thì giữ mẫu trong trạng thái đóng băng từ $-20\text{ }^{\circ}\text{C}$ đến $-16\text{ }^{\circ}\text{C}$. Nếu bị gián đoạn quá ba ngày thì thử nghiệm không được chấp nhận.

Để đạt được nhiệt độ chính xác trong mỗi chu kỳ thử nghiệm, toàn bộ các mẫu phải được đảm bảo sự lưu thông không khí trong buồng đóng băng. Nếu chỉ một vài mẫu thử nghiệm, chèn vào khoảng trống trong buồng đóng băng những vật giả trừ khi nó cho thấy nhiệt độ chính xác của mỗi chu kỳ đạt được mà không có chúng.

Sau 7 và 14 chu kỳ, trong giai đoạn tan băng, để giữ lớp dung môi đóng băng dày (5 ± 2) mm trên bề mặt mẫu thì thêm 3 % natri clorua vào trong nước.



CHÚ DẪN:

1 - Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)

2 - Thời gian (giờ)

Hình B.3 - Biểu đồ nhiệt độ và thời gian

Sau 28 chu kỳ, những quy trình sau được thực hiện cho mỗi mẫu thử:

a) thu vật liệu bị tróc từ bề mặt thử nghiệm bằng cách rửa trong thùng sử dụng bình phun và bàn chải.

b) cẩn thận đổ nước và vật liệu bị tróc vào giấy thấm. Rửa sạch vật liệu bị tróc trong giấy thấm ít nhất là 1 lít nước sạch để loại bỏ natri clorua. Sấy khô cả giấy và mẫu trong 24 giờ tại nhiệt độ $(105 \pm 5)\text{ }^{\circ}\text{C}$. Cân khối lượng khô của vật liệu bị tróc (không kể giấy thấm) chính xác đến $\pm 0,2\text{ g}$.

B.5. Biểu thị kết quả

Tính khối lượng bị mất trên đơn vị diện tích, L , tính bằng kg/m^2 , theo công thức:

$$L = \frac{M}{S}$$

Trong đó:

M là khối lượng vật liệu bị tróc sau 28 chu kỳ, đơn vị tính kg;

S là diện tích bề mặt thử nghiệm, m^2

C.6. Báo cáo thử nghiệm

Kết quả thử nghiệm gồm những thông tin sau:

a) mất khối lượng trên đơn vị diện tích mẫu L , tính bằng kg/m^2 ;

- b) tổng khối lượng của mẫu bị tróc sau 28 chu kỳ, tính thử bằng mg;
- c) diện tích bề mặt thử nghiệm, tính bằng mm².